

NHỚ LẠI THỜI KỲ LÀM CÔNG TÁC THANH TOÁN Ở NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

✍️ PGS., TS. Lê Đình Hợp

Nguyên Tổng Biên tập Tạp chí Ngân hàng

Tết Tân Sửu vừa qua, tôi được lãnh đạo và một số cán bộ Tạp chí Ngân hàng tới thăm chúc Tết và trao Thư mời viết bài cho Tạp chí nhân kỷ niệm 70 năm thành lập ngành Ngân hàng. Các bạn gợi ý viết hồi ký về lĩnh vực thanh toán của Ngân hàng Nhà nước. Lời đề nghị là thích hợp nhưng tôi vẫn ngần ngại vì đã xếp bút nghiên lâu rồi nên chỉ trả lời nước đôi, không dám nhận lời. Trong khi tôi đang băn khoăn suy nghĩ thì anh Tạ Quang Tiến, nguyên Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin, Ngân hàng Nhà nước, qua Facebook gửi cho tôi một tấm ảnh chụp năm 1994 tại Ngân hàng Thế giới (WB) trong dịp được Ngân hàng Nhà nước cử sang cùng WB tuyển chọn nhà thầu cho Dự án Tiền khả thi Hiện đại hóa hệ thống thanh toán của Ngân hàng Việt Nam. Bức ảnh cũng không có gì đặc biệt. Vậy mà nó như có hồn thức tỉnh tôi hồi tưởng quá khứ làm công tác thanh toán ở Ngân hàng Nhà nước. Thế là tôi lại viết bài theo gợi ý của Tạp chí Ngân hàng. Chuyện cũ có nhiều sự kiện, hứng khởi có, buồn chán có, không thể nhớ hết, kể hết, chỉ kể theo lối dân dã, ngẫu hứng, mong bạn đọc thông cảm.

Chuyện kể đầu tiên là về làm việc ở Ngân hàng Trung ương Việt Nam. Năm 1981, sau 5 năm làm nghiên cứu sinh ở Đại học tổng hợp Humboldt Berlin, Cộng hòa Dân chủ Đức về lĩnh vực tổ chức thanh toán ở nước Đức. Về nước, tôi được vào làm việc tại Phòng Chế độ tín dụng và thanh toán, Vụ Kinh tế kế hoạch, phụ trách chế độ thanh toán không dùng tiền mặt của Ngân hàng Nhà nước. Thập niên 1980 nước ta rất khó khăn, kinh tế bao cấp trì trệ, hoạt động ngân hàng cũng không ngoại lệ. Thanh toán không dùng tiền mặt hầu như ngừng trệ. Xí nghiệp, người dân rất ngại thanh toán qua ngân hàng vì quá chậm trễ, phiền hà. Lạm phát phi mã, xí nghiệp, cơ quan và người dân cần tiền mặt để mua được hàng hóa ngay trong ngày, nếu để đến hôm sau giá cả sẽ thay đổi. Người ta ví von “cầm

tiền mặt trong tay như cầm cục than nóng, phải vứt ngay, càng sớm càng tốt”. Để tìm giải pháp, vấn đề cấp bách đặt ra lúc này là phải xác định được nguyên nhân tác động. Cán bộ ngân hàng nói chung, đặc biệt là cán bộ trong lĩnh vực thanh toán rất day dứt, tôi cũng không ngoại lệ. Thực tình tôi cũng có chút thuận lợi do được học tập, nghiên cứu về lĩnh vực này, tôi mày mò tìm hiểu cơ chế chính sách ở Ngân hàng Trung ương và thực tiễn ở một số ngân hàng cơ sở. Sau vài năm cố gắng, tôi đã lần mò được chút đỉnh của tình hình. Tất cả tôi trình bày trong một bài viết khá dài có tên là “Vài suy nghĩ cải tiến, hoàn thiện chế độ thanh toán không dùng tiền mặt trong thời gian trước mắt” đăng trên Tạp san Ngân hàng số 4 tháng 7, 8/1984. Bài viết phân tích khá sâu nguyên nhân, trong đó nêu những bất cập của chế độ thanh toán không dùng tiền mặt ban hành theo Quyết định số 70-QĐ/NH ngày 27/9/1975 của Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước. Đại thể có các tồn tại: Cơ chế mang tính mệnh lệnh hành chính; một số hình thức phi thực tế như thanh toán theo kế hoạch; thủ tục phiền hà, phức tạp như séc bảo chi. Trong đó, bất cập nhất là hình thức thanh toán nhờ thu, nhận trả ủy nhiệm cho ngân hàng thực hiện. Quy trình rất phức tạp, rắc rối, chu chuyển chứng từ và hàng hóa tách rời nhau, người mua hàng như không có cơ hội kiểm tra hàng hóa và chứng từ để chấp nhận thanh toán; người bán thì mòn mỏi chờ mong, không biết đến bao giờ mới thu được tiền. Bản thân ngân hàng trong vai trò thu hộ, trả hộ cũng bất lực, chung quy chẳng ai chịu trách nhiệm, hàng hóa nhập khẩu ùn ứ ở bến cảng, nợ nần dây dưa gia tăng. Đến nỗi, Chính phủ phải tổ chức một chiến dịch xử lý nợ nần dây dưa kéo dài hai, ba năm, rốt cuộc nợ dây dưa vẫn chùng chãi. Thiếu sót cơ bản là cơ chế thanh toán không phân định rạch ròi quyền và trách nhiệm các bên liên quan. Mặt khác, công nghệ thanh toán thủ công, chuyển tiền qua Bưu điện rất chậm trễ cũng là một nguyên nhân cơ bản. Kết thúc bài viết, tôi kiến nghị hủy bỏ

các hình thức thanh toán bất lợi, đặc biệt là xóa bỏ thể thức nhờ thu nhận trả qua ngân hàng, ứng dụng công nghệ hiện đại thay thế chuyển tiền qua Bưu điện. Tuy có một số quan điểm phản bác nhưng số đông tình, ủng hộ lại khá nhiều. Mãi tới năm 1986, đất nước thực hiện công cuộc đổi mới, kiến nghị của tôi mới được chấp nhận, Chính phủ ban hành Nghị định bãi bỏ hình thức thanh toán bằng nhờ thu. Đó là đóng góp đầu tiên của tôi khi về Vụ Kinh tế kế hoạch. Tuy nhiên, sản phẩm ở Phòng Chế độ thường là hàng loạt văn bản kèm theo văn bản pháp quy ban hành. Sản phẩm của tôi chỉ có một Nghị định của Chính phủ, không có một văn bản nào đi kèm. Vậy thôi, bỏ là bỏ hẳn, không vương vấn gì nữa, công cụ thay thế thì ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu hoàn toàn đủ khả năng. Tuy nhiên, theo thông lệ ở Vụ Kinh tế kế hoạch, chuyện này cũng có phần nhạy cảm, nên có người bảo tôi là “ngông nghênh”, dù sao tôi vẫn thấy vui.

Chuyện tiếp theo là cải cách thể chế thanh toán không dùng tiền mặt ở Việt Nam. Đây là một trong hai nội dung cơ bản của Dự án Hiện đại hóa hệ thống thanh toán của Ngân hàng Việt Nam do WB tài trợ. Phần đổi mới công nghệ thanh toán phải đầu tư nhiều vốn và kỹ thuật, trong khi đổi mới chính sách, cơ chế đòi hỏi tham vấn hội họp nhiều, nhưng không kém phần khó khăn, phức tạp. Tôi có chút thuận lợi là có nghiên cứu, đề xuất cải tiến từ trước, tới nay được giao chủ trì soạn thảo văn bản, tôi cụ thể hóa và nâng cấp các ý tưởng đó. Nội dung cải cách thể chế thanh toán, tôi hướng vào những vấn đề chủ yếu như tự do hóa hoạt động thanh toán, tạo ra một thị trường lưu thông tiền ghi sổ bình đẳng, thuận tiện cho hoạt động thương mại và dịch vụ, bao gồm các ý tưởng tự do lựa chọn ngân hàng giao dịch, tự chủ tài chính của doanh nghiệp theo cơ chế thị trường; lựa chọn thu gọn một số loại hình thanh toán để hoàn thiện như ủy nhiệm chi của người mua, ủy nhiệm thu của nhà cung cấp dịch vụ, đồng thời phát triển thêm một số loại hình thanh toán mới như thanh toán bù trừ, chuyển tiền điện tử, thẻ, séc cá nhân. Cơ chế mới được các đơn vị chức năng Ngân hàng Nhà nước và ngân hàng thương mại tham gia đóng góp rất tích cực. Với không khí đồng thuận cao, chế độ thanh toán mới được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt, ban hành sớm. Cơ chế mới quán triệt một số quan điểm, nguyên tắc chỉ đạo, mục tiêu hướng tới và điều kiện vận dụng từng loại hình thanh toán. Chẳng hạn, ủy nhiệm chi - loại

hình thanh toán chủ yếu trong kinh tế thị trường - phải tạo cơ hội để người mua thực hiện nguyên tắc kiểm tra hàng hóa trước khi trả tiền. Quyền phát lệnh thanh toán phải là người mua. Đó là cơ hội để người mua kiểm tra hàng hóa trước lúc trả tiền, nhằm đảm bảo cung ứng hàng hóa chất lượng, số lượng, giá cả và thời hạn theo hợp đồng giao dịch. Ngược lại, hình thức ủy nhiệm thu cho phép nhà cung ứng điện, nước và các dịch vụ khác có công cụ đo lường xác định, được quyền phát lệnh thu tiền qua ngân hàng. Loại hình này ở nước Đức được đánh giá rất hiệu quả. Ở nước ta lúc đầu còn kém phát triển nhưng tới nay đã có ưu thế vượt trội, bảo vệ lợi ích của các bên, tiết kiệm thời gian và công sức rất đáng kể.

Tuy nhiên, cải cách, phát triển cơ chế thanh toán cũng gặp những thất bại như séc cá nhân và thẻ thanh toán. Chuyện séc cá nhân bị thay thế bằng thẻ thanh toán là ở tất cả mọi quốc gia, ngày nay không thể tìm thấy một tờ séc, dù đó là séc du lịch. Nhưng ở Việt Nam thì séc và thẻ thất bại ngay khi mới ra đời. Tiền để chi trả bằng séc và thẻ là tiền chuyển vào tài khoản cá nhân, hồi đó cũng tuyên truyền rầm rộ, nhưng thực chất như “bắt cóc bỏ đĩa”, hôm trước chuyển vào hôm sau chủ séc, chủ thẻ rút sạch. Chuyện này không phải lỗi khách hàng hay ngân hàng mà do thị trường mua bán nhỏ lẻ, không thể chi trả bằng công cụ này. Thẻ thanh toán lúc đầu cũng trong tình trạng đó, mang hình thức, số lượng thẻ nhiều nhưng giao dịch rất ít. Tuy nhiên, đến nay đã khởi sắc khá thịnh vượng. Các ngân hàng thương mại còn phát triển thêm các dạng chuyển tiền điện tử như SMS được khách hàng rất ưa chuộng.

Nhìn chung, cùng với đổi mới công nghệ nâng cao tốc độ thanh toán, xóa bỏ chậm trễ, tác động của cơ chế thanh toán đổi mới cũng đem lại những chuyển biến rất tích cực, thích ứng với cơ chế thị trường, phục vụ sản xuất, lưu thông và đời sống nhân dân ngày càng khởi sắc.

Quá trình khắc phục khó khăn thanh toán, ngoài việc triển khai các dự án lớn, Ngân hàng Nhà nước còn sử dụng một số giải pháp tạm thời tình thế, đáng ghi nhận là phát hành ngân phiếu thanh toán và chuyển tiền mặt qua Ngân hàng Nhà nước. Thực ra, một số chuyên gia quốc tế không tán đồng nhưng để giải quyết bức xúc, Ngân hàng Nhà nước

(Xem tiếp trang 80)

Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam để thực hiện sứ mệnh lịch sử của ngân hàng trung ương.

Hệ thống tổ chức tín dụng tiếp tục phát triển trên nền tảng kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Theo đó, tổ chức tín dụng thành lập và hoạt động phải được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho phép và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, chịu sự thanh tra giám sát của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để đảm bảo sự an toàn.

Thực hiện chủ trương của Đảng, nền kinh tế Việt Nam đã mở cửa và hội nhập vào kinh tế thế giới. Đặc biệt là khi Việt Nam trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), nước ta đã hội nhập sâu rộng, toàn diện vào kinh tế thế giới và thực hiện các cam kết của mình với WTO. Yêu cầu tất yếu và khách quan là phải tiếp tục đổi mới thể chế ngân hàng cho phù hợp với các cam kết của Việt Nam với quốc tế.

Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 và Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội ban hành ngày 16/6/2010 là một minh chứng cho sự đổi mới này. Trên cơ sở đó, Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục

đổi mới và hoàn thiện thể chế ngân hàng để Ngân hàng Việt Nam phát triển phù hợp với những chuẩn mực và thông lệ của ngân hàng trên thế giới.

Trải qua 70 năm xây dựng và phát triển Ngân hàng Việt Nam, thể chế ngân hàng đã luôn được đổi mới cho phù hợp với sự đổi mới chính trị, kinh tế và xã hội của đất nước. Đổi mới thể chế đã tạo ra tiền đề vững chắc cho ngân hàng Việt Nam xây dựng và phát triển bền vững. Ngay từ khi mới thành lập, Ngân hàng Việt Nam chỉ có hệ thống ngân hàng một cấp thực hiện đồng thời cả ba chức năng quản lý Nhà nước về tiền tệ ngân hàng, chức năng của ngân hàng trung ương và chức năng của ngân hàng thương mại để thực hiện những nhiệm vụ chính trị, kinh tế của đất nước trong thời kỳ đầu mới thành lập. Sự đổi mới thể chế chính trị, kinh tế đã tạo điều kiện cho ngân hàng Việt Nam xây dựng, phát triển và hoàn thiện và từng bước chuyển đổi hệ thống ngân hàng một cấp thành ngân hàng hai cấp phù hợp với yêu cầu phát triển, đáp ứng với những chuẩn mực và thông lệ ngân hàng thế giới, góp phần phát triển kinh tế, xã hội, ổn định chính trị đất nước. ■

NHỚ LẠI THỜI KỲ LÀM CÔNG TÁC . . . (Tiếp theo trang 76)

vẫn quyết tâm làm. Có vấn Quĩ Tiền tệ quốc tế Sevan quan ngại mệnh giá ngân phiếu thanh toán lớn tương đương 100 USD sẽ là đối tượng làm giả. Dr. Andread Hauskrecht, chuyên gia Cộng hòa Liên bang Đức thì cảnh báo, chưa một nước nào trên thế giới phát hành ngân phiếu thanh toán, hãy cẩn trọng đề phòng rủi ro tổn hại các thành quả công cuộc đổi mới của Việt Nam. Do vậy, quá trình triển khai, Ngân hàng Nhà nước và ngân hàng thương mại rất thận trọng, kiên quyết, giảm bớt đáng kể khó khăn tiền mặt. Giải pháp này cũng kết thúc khi lạm phát đã được kiểm soát và để tránh tiêu hao vật chất vì ngân phiếu thanh toán có thời hạn lưu thông ngắn, chi phí in tốn kém.

Chuyển tiền mặt qua Ngân hàng Nhà nước cũng là giải pháp tạm thời và đặc thù về sử dụng lệnh xuất, nhập kho phát hành. Giải pháp này được triển khai trong vài năm, thời kỳ lạm phát cao, qua đó đã xóa bỏ tình trạng các bao tải tiền mặt theo người

đi máy bay và ô tô. Riêng Thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh thu hút được khối lượng lớn tiền mặt nộp vào ngân hàng.

Ngày nay, điều hành công tác thanh toán của Ngân hàng Nhà nước được thực hiện qua một vụ chức năng, đó là Vụ Thanh toán. Từ năm 1997, sau khi kết thúc hoạt động của Hội đồng thanh toán do Ngân hàng Nhà nước chủ trì, tôi đã làm văn bản kiến nghị thành lập Vụ Thanh toán của Ngân hàng Nhà nước. Vì nhiều lý do nên chưa được chấp nhận. Nhưng như câu phương ngôn ta thường nhắc đến “cái gì phải đến, rồi nó sẽ đến” và Vụ Thanh toán của Ngân hàng Nhà nước đã ra đời sau đó mấy năm, khẳng định vị trí, vai trò trong hệ thống tổ chức của Ngân hàng Nhà nước.

Cũng còn những chuyện muốn kể nữa nhưng bài viết đã dài, xin dừng lại ở đây. Chắc chắn chuyện kể không thể tránh khỏi những thiếu sót, mong được bạn đọc đóng góp ý kiến để hoàn thiện. ■